TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 893/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 887/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/8/2026 về việc "Tranh chấp về ly hôn", giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1977

Số CCCD: 001177003245 do Cục trưởng cục C về TTXH cấp ngày 10/5/2021.

Nơi cư trú: Xóm Đ, thôn H, xã P, thành phố Hà Nội.

- ***Bị đơn***: Anh **Vũ Mạnh D**, sinh năm 1972

Số CCCD: 001072000559 do Cục trưởng cục C về TTXH cấp ngày 10/7/2021.

Nơi cư trú tại: Số H H, phường H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1977 và anh Vũ Mạnh D, sinh năm 1972 .

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị Thu H và anh Vũ Mạnh D, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh D thống nhất xác định có 02 con chung là Vũ Thùy D1, sinh ngày 25/6/1998 và Vũ Long N, sinh ngày 08/10/2007. Nay cháu D1 và cháu N đã đủ tuổi trưởng thành, chị H và anh D thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.2. *Về tài sản chung là động sản và bất động sản*: Chị H và anh D thống nhất xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.3. *Về công nợ chung vợ chồng*: Chị H và anh D thống nhất không có khoản nợ chung và không cho ai vay nợ; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Thu H chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003261 ngày 06/8/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Hà Nội. Hoàn trả chị H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Hà Nội;
- UBND xã Phú Xuyên, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 14/11/1997 do UBND thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây - nay là UBND xã Phú Xuyên, thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 14/11/1997);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng